

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**phê duyệt Đề án “Một số giải pháp tăng cường công tác đào tạo,
bồi dưỡng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ hệ thống chính trị
cơ sở vùng Tây Bắc giai đoạn 2007 - 2010”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-TW
ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính
trị về phương hướng phát triển kinh tế -
xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến
năm 2010; Quyết định số 79/2005/QĐ-
TTg ngày 15 tháng 4 năm 2005 của Thủ
tướng Chính phủ về Chương trình hành
động của Chính phủ thực hiện Nghị
quyết số 37-NQ-TW của Bộ Chính trị;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
tại Tờ trình số 4565/TTr-BNV ngày 28
tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt Đề
án “Một số giải pháp tăng cường công
tác đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn đội
ngũ cán bộ hệ thống chính trị cơ sở vùng
Tây Bắc giai đoạn 2007 - 2010”,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Một số giải pháp tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc giai đoạn 2007 - 2010” với những nội dung chính sau:

1. Mục tiêu của Đề án:

- Mục tiêu chung: nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tây Bắc.

- Mục tiêu cụ thể:

Phân đầu đến năm 2010:

+ 80% cán bộ chuyên trách và công chức các xã vùng cao, biên giới và đặc

biệt khó khăn đạt tiêu chuẩn về trình độ theo quy định;

+ 95% cán bộ chuyên trách và công chức xã vùng thấp đạt tiêu chuẩn về trình độ theo quy định.

2. Nội dung chủ yếu của Đề án:

a) Nhiệm vụ của Đề án: đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã kể cả cán bộ không chuyên trách; việc đào tạo này bao gồm cán bộ đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân để góp phần củng cố hệ thống chính trị cơ sở.

b) Giải pháp thực hiện Đề án:

- Xây dựng, củng cố, kiện toàn chính quyền trong hệ thống chính trị cơ sở;

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở;

- Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với đối tượng học;

- Đảm bảo kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và cơ sở vật chất cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở;

- Tạo nguồn cán bộ để bổ sung, thay thế;

- Tăng cường cơ sở vật chất và các điều kiện làm việc.

Điều 2. Kinh phí thực hiện các nội dung của Đề án được bố trí trong dự toán

ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan cân đối nguồn kinh phí này cho các tỉnh vùng Tây Bắc để thực hiện các nội dung của Đề án.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân 9 tỉnh trong vùng Tây Bắc (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Thanh Hóa, Nghệ An):

- Trên cơ sở tổ chức sơ kết Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX theo Thông báo kết luận số 176-TB/TW ngày 13 tháng 4 năm 2005 của Ban Bí thư, cần đánh giá đúng thực trạng hệ thống chính trị cơ sở của địa phương, đặc biệt những mặt còn tồn tại, yếu kém trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ cơ sở;

- Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Đề án để chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch tạo nguồn cán bộ và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương; sử dụng đúng mục đích, đối tượng và sử dụng đúng nguồn kinh phí của Đề án;

- Có chính sách ưu tiên con em các dân tộc thiểu số tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp về công tác ở địa phương; ưu tiên bố trí giáo viên cho các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông ở các xã

vùng cao, vùng biên giới, xã đặc biệt khó khăn;

- Hàng năm đôn đốc, kiểm tra đánh giá kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Chủ động, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Đề án đã nêu.

2. Các Bộ, ngành liên quan ở Trung ương: Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Dân tộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ có kế hoạch phối hợp, hướng dẫn các địa phương thực hiện; chủ động đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp cho vùng Tây Bắc theo thẩm quyền.

- Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Tây Bắc và các Bộ, ngành liên quan đôn đốc, kiểm tra, hàng năm có sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả tổ chức thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các ngành liên quan chỉ đạo việc soạn thảo chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với đối tượng cán bộ cơ sở vùng Tây Bắc;

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tính toán cụ thể mức kinh phí

phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã để không trùng lặp với các đối tượng, nội dung đã được phê duyệt ở các đề án khác; định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nguồn và sử dụng kinh phí của Đề án;

Hàng năm, căn cứ chế độ quy định và kinh phí phê duyệt của Đề án này có trách nhiệm tính toán trình Thủ tướng Chính phủ bố trí trong chi cân đối ngân sách địa phương mức chi thường xuyên về sự nghiệp giáo dục, đào tạo (trong đó có đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở) để giao dự toán ngân sách cho các địa phương. Đối với các địa phương khó khăn, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ, trình Quốc hội xem xét, bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính tổng hợp và cân đối kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tính toán cụ thể kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc hàng năm, trong đó có chỉ tiêu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chính sách tăng chỉ tiêu ưu tiên học

sinh là người dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hàng năm được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan

ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Vĩnh Trọng

ĐỀ ÁN

**Một số giải pháp tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng
và tạo nguồn đội ngũ cán bộ hệ thống chính trị
cơ sở vùng Tây Bắc (giai đoạn 2007 - 2010)**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI
XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Ngày 24 tháng 8 năm 2004, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 117-QĐ/TW về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tây Bắc. Phạm vi chỉ đạo của Ban gồm các tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Yên Bái, các huyện miền Tây của tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa.

Toàn Vùng có diện tích tự nhiên 80.186 km², chiếm 24,2% diện tích cả nước, nhưng dân số chỉ gần 6,8 triệu người, chiếm 8,86% dân số cả nước; mật độ dân cư rất thấp, bình quân 84 người/km², phân bố không đều, vùng cao đồng bào cư trú rất thưa thớt và phân tán, có nơi mật độ chỉ 7 người/km². Có hơn 30 dân tộc sinh sống, trong đó phần lớn là đồng bào dân tộc ít người (Kinh 37,8%, Thái 20,2%, Mông 14,4%, Mường 11,24%, Tày 6,78%, Dao 5,8%, Nùng 1,7%, dân tộc khác 1,94%).

Vùng có 1.591 xã, phường, thị trấn (1.469 xã), trong đó 875 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, chiếm gần 50% số xã trong Vùng và bằng 40% số xã đặc biệt khó khăn của cả nước. Có 7 tỉnh với 32 huyện, 160 xã có đường biên giới, với tổng số chiều dài là 2.009,8 km; trong đó, đường biên giới Việt - Trung 788,8 km, đường biên giới Việt - Lào 1.221 km, chỉ có 2 tỉnh nội địa là Hòa Bình và Yên Bái.

Tây Bắc là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của cả nước, nhưng vẫn là vùng kinh tế chậm phát triển và nghèo nhất cả nước, trình độ dân trí thấp, công nghệ và trình độ sản xuất lạc hậu. Cơ sở hạ tầng còn thấp kém và thiếu, bị xuống cấp nhanh, nhất là đường giao thông. Đến nay, vẫn còn 37 xã chưa có đường ô tô đến xã, nhiều nơi đường chỉ lưu thông được mùa khô. Khoảng cách từ trung tâm xã đến các thôn, bản xa hàng chục cây số, nhiều nơi chưa có đường phải đi bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc trong Vùng còn ở mức thấp, gặp nhiều khó khăn và

cách biệt lớn so với khu vực đồng bằng. Một số vấn đề bức xúc về tệ nạn ma túy, dân di cư tự do và truyền đạo trái phép chưa được chặn đứng và đẩy lùi là những nhân tố tiềm ẩn để các thế lực thù địch lợi dụng gây mất ổn định chính trị trong Vùng.

Trong những năm qua, hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc đã có những đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc trong Vùng; góp phần quan trọng đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững biên giới chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ trong Vùng. Song, trước đòi hỏi, yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Bắc đến năm 2010, hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc còn nhiều yếu kém, hạn chế và bất cập, trong đó những yếu kém, bất cập về trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của hệ thống chính trị còn thấp kém là những vấn đề bức xúc nếu không kịp thời khắc phục thì khó có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tây Bắc là vùng đất giàu tiềm năng, nhân dân các dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết đi theo Đảng, nhưng đến nay vẫn là vùng chậm phát triển, nghèo nhất cả nước và còn tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định

chính trị trong Vùng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình trên, trong đó có nguyên nhân quan trọng là những yếu kém, hạn chế và bất cập của hệ thống chính trị cơ sở.

Vì vậy, thực hiện Thông báo kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng số 176-TB/TW ngày 13 tháng 4 năm 2005 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn” là một chủ trương hết sức đúng đắn và cấp thiết đối với vùng Tây Bắc. Đề án này được xây dựng nhằm khắc phục những yếu kém, bất cập và hạn chế nêu trên góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc, trong đó tập trung chủ yếu đối với các xã vùng cao, biên giới và đặc biệt khó khăn, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị.

II. MỤC TIÊU CHUNG, NHIỆM VỤ VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung của Đề án: nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đổi mới và

nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tây Bắc.

2. Nhiệm vụ của Đề án:

Để nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX cần phải thực hiện nhiều nội dung. Trên cơ sở mục tiêu chung, căn cứ tình hình thực tế và đặc thù của vùng Tây Bắc, Đề án tập trung chủ yếu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ cơ sở là vấn đề mấu chốt và bức xúc hiện nay của hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc.

3. Phạm vi của Đề án: là vùng Tây Bắc, nhưng đối tượng chủ yếu của Đề án là các xã vùng cao, biên giới và đặc biệt khó khăn (vùng III) và miền Tây tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An.

Để có đánh giá đúng thực trạng về một số nội dung như đã nêu trên và đánh giá chung về hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc, từ đó đề xuất một số giải pháp để tổ chức thực hiện, Ban Chủ nhiệm Đề án đã tiến hành khảo sát tại 8 huyện và 11 xã của 4 tỉnh (Hà Giang, Sơn La, Yên Bái và Tây Nghệ An). Đồng thời, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, tham khảo sử dụng một số số liệu của các cơ quan trên và báo cáo của các địa phương vùng Tây Bắc trong quá trình xây dựng Đề án.

III. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC; CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẠO NGUỒN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ VÙNG TÂY BẮC

1. Đội ngũ cán bộ cơ sở

a) Số lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở

Sau khi có Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ban, ngành Trung ương, đến nay theo thống kê chưa đầy đủ của các địa phương trong Vùng, tổng số cán bộ cơ sở có gần 90.000 người. Trong đó:

- Cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã có trên 27.800 người;
- Cán bộ không chuyên trách cấp xã có khoảng 27.687 người;
- Cán bộ thôn, bản, tổ dân phố có trên 45.000 người.

Việc bố trí số lượng cán bộ không chuyên trách cấp xã còn bất cập, hầu hết các địa phương do khó khăn về kinh phí chi trả phụ cấp nên đều bố trí kiêm

nhiệm; do vậy, số cán bộ đã rút từ 22 chức danh xuống còn 11 - 12 người.

b) Chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở

Để có đánh giá cụ thể và sát thực hơn về trình độ đội ngũ cán bộ cơ sở vùng Tây Bắc, đối chiếu với quy định, tiêu chuẩn về trình độ đối với cán bộ cơ sở (tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ Nội vụ) Đề án phân theo các nhóm đối tượng sau:

- Cán bộ cấp xã (bao gồm cán bộ chuyên trách và công chức). Trong đó:

+ Cán bộ chủ chốt cấp xã (bao gồm Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân);

+ Trưởng các đoàn thể cấp xã;

+ Công chức cấp xã.

- Cán bộ thôn, bản, tổ dân phố (bao gồm Bí thư chi bộ, Trưởng thôn và Công an viên). (Xem bảng 1a, 1b, 1c - phần Phụ lục).

- Cán bộ cấp xã (cán bộ chuyên trách và công chức)

Tổng số 27.822 cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã có trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước cụ thể như sau: cán bộ cấp xã trong Vùng, có trình độ văn hóa tốt nghiệp tiểu học 12,2%, tốt nghiệp

trung học cơ sở chiếm 44,2%, có 43,5% tốt nghiệp trung học phổ thông, đáng chú ý còn 39 cán bộ (chiếm 0,14%) chưa tốt nghiệp tiểu học. Trình độ chuyên môn phần lớn chưa qua đào tạo, chiếm 69,9%, trình độ lý luận chính trị còn 50,7% chưa qua đào tạo, trình độ quản lý nhà nước hầu hết chưa qua đào tạo (85,3%). Nếu tính cả số cán bộ không chuyên trách cấp xã thì trình độ về các lĩnh vực trên còn ở mức thấp hơn.

Tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong tổng số cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã toàn Vùng chiếm 71,22%. Hầu hết các tỉnh tỷ lệ này đều chiếm từ 70 - 90%.

Tuy nhiên, tỷ lệ cán bộ của các dân tộc ở các vùng khác nhau cũng khác nhau. Nhìn chung, cán bộ các dân tộc Kinh, Thái, Mường, Tày thường chiếm tỷ lệ cao hơn; các dân tộc Mông, Dao, Khơ Mú và một số dân tộc khác chiếm tỷ lệ thấp hơn.

Tỷ lệ cán bộ nữ trong cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã toàn Vùng còn thấp, chiếm 12,31%. Chỉ có tỉnh Yên Bái có tỷ lệ cán bộ nữ cao chiếm 16,02%, các tỉnh còn lại đều có tỷ lệ trên 10%. (Xem bảng - phần Phụ lục II).

+ Cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân).

Đối chiếu với quy định tại Quyết định số 04 của Bộ Nội vụ thì chỉ có 42,6% số cán bộ chủ chốt cấp xã đạt tiêu chuẩn về trình độ văn hóa (tốt nghiệp trung học phổ thông), còn lại 57,4% chưa đạt tiêu chuẩn về trình độ văn hóa.

Số cán bộ đạt tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ (có trình độ từ sơ cấp trở lên) chiếm 24,2%, chưa đạt tiêu chuẩn còn 75,8% (chưa qua đào tạo). Riêng số cán bộ tham gia lần đầu phải có trình độ trung cấp trở lên, nhưng trong báo cáo này chưa thống kê được.

Tỷ lệ cán bộ đã qua đào tạo, bồi dưỡng có trình độ từ sơ cấp lý luận chính trị trở lên chiếm tới 75,6%, số chưa qua đào tạo chiếm 24,4%. Riêng Bí thư và Phó Bí thư Đảng ủy mới có 66% đạt tiêu chuẩn theo quy định (có trình độ trung cấp chính trị trở lên), số còn lại 34% chưa đạt tiêu chuẩn (có trình độ sơ cấp và chưa qua đào tạo).

Trong số các chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã thì đa số chưa qua đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước, chiếm 73,7%, chỉ có 26,3% đã qua đào tạo, bồi dưỡng.

+ Trường các đoàn thể: có 99,83% đạt tiêu chuẩn về trình độ văn hóa (tốt nghiệp từ tiểu học trở lên); số cán bộ chưa đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ

(chưa qua đào tạo) 82,36%; số cán bộ chưa đạt tiêu chuẩn về lý luận chính trị (chưa qua đào tạo) chiếm 52%; số cán bộ chưa qua đào tạo về quản lý nhà nước chiếm 90%.

+ Công chức cấp xã: trong tổng số 11.658 người có 10.852 người (chiếm 92,86% tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên, đạt tiêu chuẩn theo quy định), chỉ còn 806 người, chiếm 7,14% cần phải học văn hóa. Số người đã qua đào tạo từ sơ cấp chuyên môn trở lên chiếm 43,94%, còn 56,06% chưa qua đào tạo. Tỷ lệ đã qua đào tạo từ sơ cấp lý luận chính trị trở lên chiếm 31,24%, còn 68,76% chưa qua đào tạo. Phần lớn công chức cấp xã chưa qua đào tạo quản lý nhà nước, chiếm 90,75%.

- Cán bộ thôn, bản: trong số hơn 27.000 cán bộ thôn, bản của 6 tỉnh (Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa), trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước so với cán bộ ở cấp xã thấp hơn rất nhiều.

Cụ thể như sau:

+ Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông 23,6%, tốt nghiệp trung học cơ sở 47,7%, tốt nghiệp tiểu học 27,3%, chưa tốt nghiệp tiểu học 1,4%.

+ Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: hầu hết chưa qua đào tạo, chiếm 91,7%.

+ Trình độ lý luận chính trị: còn 85,5% chưa qua đào tạo.

+ Trình độ quản lý nhà nước: 97,8% chưa qua đào tạo.

Đánh giá tổng quát:

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ cơ sở vùng Tây Bắc có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, trung thành với Đảng và Nhà nước, tận tụy với công việc, gần gũi và có tín nhiệm cao với nhân dân. Song, yếu kém lớn nhất của đội ngũ cán bộ cơ sở chính là trình độ thấp và năng lực hạn chế. Điều đáng chú ý là hầu hết cán bộ chưa đạt chuẩn về trình độ theo quy định đều tập trung ở các xã vùng cao, biên giới và đặc biệt khó khăn.

Chính vì hạn chế về trình độ và năng lực như trên, nên việc vận dụng các chủ trương, đường lối, các nghị quyết của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương mình nhằm đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh còn nhiều hạn chế và yếu kém. Công tác quản lý nhà nước trên địa bàn bộc lộ nhiều bất cập. Ở nhiều nơi đội ngũ cán bộ cơ sở còn lúng túng, bị động, không có khả năng giải quyết những vấn đề bức xúc đang xảy ra ở địa phương mình.

2. Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cơ sở

Thời gian qua và nhất là mấy năm gần đây, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở đã được các địa phương quan tâm và đầu tư ngày càng nhiều hơn, song kết quả đạt được vẫn còn thấp so với yêu cầu.

Công tác quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở trong một thời gian dài còn thiếu và yếu; chưa chủ động, tích cực, còn nặng về bồi dưỡng, tập huấn, ít đào tạo; chưa có nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với các đối tượng, vùng, miền.

Nguyên nhân của tình hình trên, chủ yếu do số lượng cán bộ chưa qua đào tạo và chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định còn quá lớn, trong khi các địa phương chỉ có thể đáp ứng và bố trí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho một số lượng cán bộ nhất định. Mặt khác, tình trạng số cán bộ cần đi học cả văn hóa, đào tạo cả chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị là khá nhiều. Số cán bộ này chủ yếu tập trung ở vùng cao, vùng xa, biên giới.

Còn một số nguyên nhân khác như: sự quan tâm đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở chưa đúng mức; mức kinh phí dành cho đào tạo cán bộ cơ sở còn thấp; cơ sở vật chất các trường chính trị tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện còn kém, cũng hạn chế đến kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

3. Tạo nguồn cán bộ

Công tác quy hoạch, tạo nguồn đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số làm chậm và yếu; chính sách hỗ trợ cán bộ công tác ở các xã vùng cao, biên giới, đặc biệt khó khăn chưa cụ thể, chậm được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nên chưa động viên được cán bộ làm việc.

4. Đánh giá chung

- Trong những năm qua kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc có bước phát triển, đời sống nhân dân các dân tộc được nâng lên một bước đáng kể, an ninh, quốc phòng được đảm bảo và giữ vững. Trong những thành tựu và kết quả chung đó có sự đóng góp quan trọng của hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc. Sau hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn, hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc đã có chuyển biến, tiến bộ và đạt được một số kết quả quan trọng. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể trong hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được xây dựng và củng cố vững mạnh. Đội ngũ cán bộ ngày càng trưởng thành và phát triển.

Tuy nhiên, hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc còn những yếu kém và tồn tại sau:

- Hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở nhiều nơi còn thấp, nhất là các xã vùng III, chưa đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

- Một bộ phận đảng viên chưa nêu cao được vai trò tiên phong, gương mẫu, sa sút về phẩm chất đạo đức, cá biệt còn có đảng viên theo đạo Tin lành.

- Chất lượng và hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở ở nhiều nơi còn thấp. Trình độ quản lý và năng lực điều hành của chính quyền cơ sở còn hạn chế và yếu kém, nhất là trong quản lý các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ còn thấp và hạn chế. Trình độ văn hóa thấp, phần lớn chưa qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý nhà nước. Tỷ lệ cán bộ nữ và cán bộ một số dân tộc thiểu số còn thấp. Đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là các xã vùng III thiếu về số lượng, yếu về chất lượng.

Nguyên nhân của những yếu kém, tồn tại:

- Nguyên nhân khách quan:

Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, kinh tế - xã hội chậm phát triển, dân trí thấp, tỷ lệ đói nghèo cao, các thế lực thù địch luôn lợi dụng những vấn đề nhạy cảm

như dân tộc, tôn giáo để gây mất ổn định chính trị.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nhận thức về vai trò, vị trí của hệ thống chính trị cơ sở đối với sự phát triển vùng Tây Bắc ở một số cấp, ngành và địa phương chưa thật đầy đủ. Do đó chưa thật sự quan tâm đầu tư và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh toàn diện.

+ Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số làm chậm và yếu. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng dành cho cán bộ cơ sở còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Chương trình, nội dung đào tạo chậm đổi mới, chưa phù hợp với đối tượng học. Công tác tạo nguồn cán bộ làm chậm, lúng túng.

+ Việc học tập để nâng cao trình độ, vươn lên đảm bảo đủ tiêu chuẩn công chức cơ sở theo quy định của Nhà nước chưa được hình thành rõ nét trong đa số cán bộ cơ sở, còn bị ảnh hưởng của chính sách cũ, cán bộ xã chưa phải là công chức (trước khi có Nghị định 121).

+ Một số cơ chế, chính sách đối với vùng dân tộc, miền núi, các xã đặc biệt khó khăn chậm được sửa đổi và bổ sung cho phù hợp.

IV. MỘT SỐ MỤC TIÊU CỤ THỂ, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Một số mục tiêu cụ thể

Phần đầu đến 2010:

- 80% cán bộ chuyên trách và công chức các xã vùng cao, biên giới và đặc biệt khó khăn đạt tiêu chuẩn về trình độ theo quy định.

- 95% cán bộ chuyên trách và công chức xã vùng thấp, đạt tiêu chuẩn về trình độ theo quy định.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể trên, từ nay đến 2010 cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

a) Nhiệm vụ

Đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn cán bộ, công chức cấp xã kể cả cán bộ không chuyên trách; việc đào tạo này bao gồm cán bộ Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân để góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở.

b) Giải pháp

- Xây dựng, củng cố, kiện toàn chính quyền trong hệ thống chính trị cơ sở

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân nhằm nâng cao vai trò, vị thế và tăng tính hiệu quả của

cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, giảm tính hình thức trong các kỳ họp và hoạt động giữa hai kỳ họp.

Đề cao trách nhiệm, thẩm quyền, tăng cường vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của cấp chính quyền cơ sở. Đẩy mạnh cải cách hành chính, giải quyết công việc cho dân nhanh gọn, hiệu quả.

Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cơ sở, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân thực hiện xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, hoàn thành có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tiến hành tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua ở cơ sở.

- Tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở.

+ Trên cơ sở gắn công tác quy hoạch cán bộ với việc đào tạo, bồi dưỡng theo địa chỉ cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở vùng Tây Bắc, căn cứ quy định tiêu chuẩn về trình độ của cán bộ, công chức, từ nay đến năm 2010 cần phải đào tạo, bồi dưỡng:

- . Học văn hóa: 5.952 người.
- . Chuyên môn, nghiệp vụ: 19.458 người.
- . Lý luận chính trị: 13.994 người.
- . Quản lý nhà nước: 23.735 người.

Tổng số 63.069 lượt người cần đào tạo, bồi dưỡng. Nếu tính cả cán bộ dự nguồn và trong diện quy hoạch thì có gần 70.000 lượt người cần đào tạo, bồi dưỡng. Trong đó các xã vùng III là 49.000 lượt người, vùng thấp là 21.000 lượt người. Nhiệm vụ trọng tâm là tập trung, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ ở các xã vùng III.

+ Đẩy mạnh việc hướng dẫn và thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở trên địa bàn thực hiện đề án theo đúng các quy định, hướng dẫn của Chính phủ.

+ Một số nơi có điều kiện có thể bố trí cho một số cán bộ đi đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ đại học.

+ Đề cập nhật thông tin và kiến thức về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo, nhất là đối với đạo Tin lành, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn hoặc lồng vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm giúp cho cán bộ cơ sở có hiểu biết cơ bản về các lĩnh vực trên để vận dụng, xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh ở địa phương mình.

+ Tùy điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, cần tăng cường mở các lớp dạy tiếng dân tộc, như tiếng Mông, Thái... cho cán bộ, công chức công tác ở các vùng này. Đây được coi là tiêu chuẩn của cán bộ, công chức trong

vùng dân tộc và là điều kiện cần để đảm bảo hiệu quả trong công tác.

+ Đối với những cán bộ, công chức chưa đủ trình độ văn hóa cần được bố trí học văn hóa để có đủ trình độ rồi mới bố trí vào học các lớp trên. Đối với cán bộ các xã vùng III, nếu phải học cả văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ cần bố trí cho đi học và đào tạo liên thông.

+ Đối với cán bộ không chuyên trách, cán bộ thôn, bản, tổ dân phố vì số lượng lớn và phần lớn chưa qua đào tạo, vì vậy cần tập trung chủ yếu bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ ở các xã vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao, biên giới. Số cán bộ trong diện quy hoạch và dự nguồn có thể bố trí đi đào tạo tập trung, tùy điều kiện và khả năng của từng địa phương (phần Phụ lục III).

- Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với đối tượng học

+ Để có thể đào tạo, bồi dưỡng một số lượng lớn cán bộ cơ sở chủ yếu là người dân tộc thiểu số ở các xã vùng cao, biên giới và đặc biệt khó khăn trong một thời gian không dài, trong điều kiện các địa phương trong Vùng còn nhiều khó khăn như đã nêu trên, cần có chương trình và nội dung đào tạo phù hợp học xong là áp dụng được với điều kiện, hoàn cảnh thực tế nhưng vẫn đáp ứng cơ bản yêu cầu tiêu chuẩn theo quy định.

+ Chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng rút gọn, có thể chia ra 3 chương trình đào tạo, bồi dưỡng:

. Chương trình đào tạo thứ nhất: dành cho chức danh Bí thư, Phó Bí thư, trưởng các đoàn thể và một số chức danh khác. Thời gian học 1,5 - 2 năm. Khi tốt nghiệp được cấp bằng trung cấp lý luận chính trị và chứng chỉ bồi dưỡng quản lý chuyên môn nghiệp vụ tương đương sơ cấp;

. Chương trình đào tạo thứ hai: dành cho các chức danh làm việc trong hệ thống chính quyền và một số chức danh khác. Thời gian học 1,5 - 2 năm. Khi tốt nghiệp được cấp bằng trung cấp quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và chứng chỉ bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương với sơ cấp;

. Chương trình đào tạo thứ ba (bồi dưỡng ngắn hạn): dành cho cán bộ tuổi đã cao hoặc cán bộ không có điều kiện đi đào tạo dài hạn. Thời gian học 6 tháng. Khi tốt nghiệp được cấp chứng chỉ tương đương sơ cấp chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị hoặc quản lý nhà nước. Tùy điều kiện của địa phương tổ chức mở lớp ngắn hạn (thời gian trong vòng một tuần) cho cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn với các chuyên đề thiết thực.

+ Nội dung đào tạo: cần đổi mới nội dung đào tạo theo hướng giảm bớt những

phần lý luận chung, tăng nội dung tác nghiệp cụ thể, gắn với chức danh, công việc, nhiệm vụ mà đối tượng học đảm nhiệm học xong phải vận dụng được khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tất cả cán bộ chuyên trách và công chức tuổi trẻ, còn cán bộ dự nguồn cần được bố trí đi theo học chương trình 1 và 2, chỉ có một số ít vì điều kiện không cho phép có thể học theo chương trình 3. Riêng Trường, Phó công an và xã đội thì bố trí học các lớp theo chuyên ngành.

- Bảo đảm kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và cơ sở vật chất cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở

+ Trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, bảo đảm bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ; căn cứ các chính sách quy định hiện hành, tính đặc thù của vùng Tây Bắc và số lượng cán bộ cần đào tạo, bồi dưỡng, từ 2007 - 2010 số kinh phí cần cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở của 9 tỉnh vùng Tây Bắc để đạt chỉ tiêu đề ra là khoảng 271 tỷ đồng; bình quân hơn 5 tỷ đồng/năm/tỉnh. Riêng kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở các xã vùng III khoảng 195 tỷ đồng. (Xem Phụ lục IV).

+ Cần xác định trường chính trị tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị là những địa chỉ chính để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Vì vậy, cần

tăng cường đầu tư, nâng cấp các trung tâm bồi dưỡng chính trị của huyện, trường chính trị tỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở trong Vùng. Ngoài cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ làm công tác giảng dạy có vai trò rất quan trọng. Cần coi trọng cả đội ngũ giáo viên tại chỗ, giáo viên kiêm nhiệm là các đồng chí lãnh đạo địa phương có kinh nghiệm, trình độ và giáo viên mời giảng ở các nơi khác.

- Tạo nguồn cán bộ để bổ sung, thay thế

+ Sinh viên là người các dân tộc tại địa phương đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp tình nguyện về địa phương công tác; sinh viên đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp từ nơi khác tình nguyện về công tác tại xã.

+ Thanh niên là con em đồng bào các dân tộc ở địa phương đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tình nguyện về công tác tại quê hương, được lựa chọn đi đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước.

+ Đội ngũ thanh niên, cán bộ trẻ ở địa phương, chưa phải là công chức, có quá trình tu dưỡng, rèn luyện và sản xuất tốt ở địa phương, đã tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông lựa chọn đi học văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ.

+ Đối với một số xã vùng cao, biên giới đặc thù, có thể lựa chọn một số con, em trường dòng họ, già làng có quá trình phấn đấu, tu dưỡng tốt cho đi đào tạo tập trung để trở về bổ sung, thay thế cán bộ cơ sở.

+ Chú trọng tạo nguồn cơ sở là người dân tộc thiểu số mà đội ngũ cán bộ của dân tộc đó còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân 9 tỉnh trong vùng Tây Bắc:

- Trên cơ sở tổ chức sơ kết Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX theo Thông báo kết luận số 176 ngày 13 tháng 4 năm 2005 của Ban Bí thư, cần đánh giá đúng thực trạng hệ thống chính trị cơ sở địa phương, đặc biệt những mặt còn tồn tại, yếu kém trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ cơ sở.

- Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Đề án để chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, tạo nguồn cán bộ và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương; sử dụng đúng mục đích, đối tượng và sử dụng đúng nguồn kinh phí của Đề án.

- Có chính sách ưu tiên con em các dân tộc thiểu số tốt nghiệp các trường đại

học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp về công tác ở địa phương; ưu tiên bố trí giáo viên cho các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông ở các xã vùng cao, vùng biên giới, xã đặc biệt khó khăn.

- Hàng năm đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Đề án đã nêu.

2. Các Bộ, ngành liên quan ở Trung ương: Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Dân tộc căn cứ chức năng nhiệm vụ có kế hoạch phối hợp, hướng dẫn các địa phương thực hiện; chủ động đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp cho vùng Tây Bắc theo thẩm quyền.

- Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Tây Bắc và các Bộ, ngành liên quan đôn đốc, kiểm tra hàng năm có sơ, tổng kết và đánh giá kết quả tổ chức thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các ngành liên quan chỉ đạo việc soạn thảo chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với đối tượng cán bộ cơ sở vùng Tây Bắc.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tính toán cụ thể mức kinh phí phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã để không trùng lặp với các đối tượng, nội dung đã được phê duyệt ở các đề án khác; định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nguồn, sử dụng kinh phí của Đề án.

Hàng năm căn cứ chế độ quy định và kinh phí phê duyệt của đề án này có trách nhiệm tính toán trình Thủ tướng Chính phủ bố trí trong chi cân đối ngân sách địa phương mức chi thường xuyên về sự nghiệp giáo dục đào tạo (trong đó có đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở) để giao dự toán ngân sách cho các địa phương. Đối với các địa phương khó khăn, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính tổng hợp và cân đối kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tính toán cụ thể kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc hàng năm, trong đó có chỉ tiêu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chính sách tăng chỉ tiêu ưu tiên học sinh là người dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hàng năm được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Vĩnh Trọng

Phụ lục I
TỔNG HỢP TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH VÀ CÔNG CHỨC
TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ CÁC TỈNH TÂY BẮC

(Thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006)
(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên tỉnh	Tổng số cán bộ	Chưa đạt chuẩn theo Quyết định số 04/BNV					Chia theo độ tuổi			
			Tổng số cán bộ chưa đạt chuẩn (lượt)	Văn hóa	Chuyên môn	LLCT	QLNN	Dưới 45 tuổi (lượt)	Tỷ lệ	Trên 45 tuổi (lượt)	Tỷ lệ
1	2	3	3 = 4 + 5 + 6 + 7	4	5	6	7	8	9 = 8 : 3	10	11 = 10 : 3
1	Yên Bái	3.342	5.413	736	1.921	1.140	1.616	3.260	60,2	2.153	39,8
2	Lào Cai	2.896	5.581	513	1.528	1.075	2.465	3.907	70,0	1.674	30
3	Hà Giang	3.657	7.065	867	2.612	1.475	2.111	5.362	75,9	1.703	24,1
4	Lai Châu	1.565	3.883	926	1.060	930	967	2.477	63,8	1.406	36,2
5	Điện Biên	1.570	4.815	1.243	731	1.279	1.562	3.082	64,0	1.733	36,0
6	Sơn La	3.893	5.836	1.731	1.212	1.676	1.217	3.560	61,0	2.276	39,0

STT	Tên tỉnh	Tổng số cán bộ	Chưa đạt chuẩn theo Quyết định số 04/BNV					Chia theo độ tuổi			
			Tổng số cán bộ chưa đạt chuẩn (lượt)	Văn hóa	Chuyên môn	LLCT	QLNN	Dưới 45 tuổi (lượt)	Tỷ lệ	Trên 45 tuổi (lượt)	Tỷ lệ
	1	2	3 = 4 + 5 + 6 + 7	4	5	6	7	8	9 = 8 : 3	10	11 = 10 : 3
7	Hòa Bình	3.930	4.883	0	1.754	882	2.247	2.921	59,8	1.962	40,2
8	Cao Bằng	2.695	7.031	1.745	1.899	2.322	1.965	4.218	60,0	2.813	40,0
9	Bắc Kạn	2.197	6.007	966	1.304	1.701	2.036	3.664	61,0	2.343	39,0
10	Tây Thanh Hóa	3.616	6.052	35	1.788	1.412	2.817	3.476	57,5	2.576	42,5
11	Tây Nghệ An	4.114	7.904	618	2.469	1.646	3.171	4.782	60,5	3.122	39,5
Tổng cộng		33.475	64.470	9.380	18.278	15.538	22.174	40.709	63,16	23.761	36,84

Phụ lục Ia

TỔNG HỢP TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH TRONG
HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ CÁC TỈNH TÂY BẮC

(Phó các đoàn thể, trưởng thôn, bản...)

Thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006

*(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên tỉnh	Tổng số cán bộ	Số cán bộ chưa được đào tạo	Tỷ lệ so với tổng số	Trong đó				Ghi chú
					Dưới 45 tuổi	Tỷ lệ so	Trên 45 tuổi	Tỷ lệ so	
	1	2	3	4 = 3 : 2	5	6 = 5 : 3	7	8 = 7 : 3	9
1	Yên Bái	6.352	4.128	65	3.112	75,4	1.016	24,6	
2	Lào Cai	4.274	3.078	72	2.308	75	770	25	
3	Hà Giang	7.543	6.450	86	5.125	79,5	1.325	20,5	
4	Lai Châu	3.780	3.280	87	2.230	68	1.050	32	
5	Điện Biên	3.253	3.138	96,5	2.073	66,1	1.065	33,9	
6	Sơn La	6.766	5.480	81	4.329	79	1.151	21	
7	Hòa Bình	10.734	6.762	63	5.409	80	1.353	20	
8	Cao Bằng	5.616	4.493	80	3.594	80	899	20	
9	Bắc Kạn	4.899	4.214	86	3.414	81	800	19	
10	Tây Thanh Hóa	7.563	5.012	66	3.609	72	1.403	28	
11	Tây Nghệ An	5.381	3.605	67	2.668	74	937	26	
Tổng cộng		66.161	49.640	75,02	37.871	76,3	11.769	23,7	

Phụ lục Ib

TỔNG HỢP SỐ THÔN, BẢN CHƯA CÓ CHI BỘ, CHƯA CÓ ĐẢNG VIÊN CÁC TỈNH VÙNG TÂY BẮC

(Thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006)

(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên tỉnh	Tổng số thôn bản	T.B đã có chi bộ		T.B chưa có chi bộ		T.B chưa có đảng viên		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Yên Bái	2.336	1.701	73,2	626	26,80	0	0	
2	Lào Cai	2.034	1.254	61,65	780	38,35	18	0,88	
3	Hà Giang	1.993	1.993	100	0	0,00	0	0	
4	Lai Châu	1.053	585	55,56	468	44,44	98	9,30	
5	Điện Biên	1.529	1.079	70,57	450	29,43	135	8,82	
6	Sơn La	3.100	2.460	79,35	640	20,65	45	1,45	
7	Hòa Bình	2.082	1.715	82,37	367	17,63	12	0,57	
8	Cao Bằng	2.460	1.986	80,73	474	19,26	151	6,13	
9	Bắc Kạn	1.386	802	57,86	584	42,14	3	0,21	
Cộng 9 tỉnh		17.973	13.584	75,58	4.389	24,42	462	2,57	
10	Nghệ An	5.765	5.647	97,95	118	2,05	84	1,46	
11	Thanh Hóa	5.763	5.725	99,34	38	0,66	29	0,57	
Cộng 2 tỉnh		11.528	11.372	98,6	156	1,4	113	0,98	

09635345

Phụ lục II

**TỶ LỆ CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC CẤP XÃ LÀ
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CÁN BỘ NỮ CÁC TỈNH
VÙNG TÂY BẮC NĂM 2004**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên tỉnh	Tổng số	Dân tộc		Nữ	
			Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)
1	Yên Bái	3.265	1.617	49,53	523	16,02
2	Lào Cai	2.845	1.884	66,22	421	14,80
3	Hà Giang	3.466	2.942	84,88	415	11,97
4	Lai Châu	1.464	1.328	90,71	160	10,93
5	Điện Biên	1.474	1.224	83,04	154	10,45
6	Sơn La	3.848	3.474	90,28	396	10,29
7	Hòa Bình	3.963	3.302	83,32	413	10,42
8	Thanh Hóa	3.531	2.379	67,37	407	11,53
9	Nghệ An	3.966	1.666	42,01	537	13,54
Tổng cộng		27.822	19.816	71,22	3.426	12,31

Phụ lục III

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ
CÁC TỈNH VÙNG TÂY BẮC VÀ THANH HÓA, NGHỆ AN
(HÀ GIANG KHÔNG CÓ BÁO CÁO)**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Chức danh	Số lượng
I	Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	27.687
1	Trưởng Ban tổ chức Đảng	618
2	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng	842
3	Trưởng Ban Tuyên giáo	561
4	Cán bộ Văn phòng Đảng ủy	1.537
5	Phó Trưởng công an (nơi chưa có công an chính quy)	2.032
6	Phó Chỉ huy Trưởng quân sự	2.037
7	Cán bộ KH - GT - TL - NL, ngư , diêm nghiệp	1.562
8	Cán bộ lao động - thương binh và xã hội	1.649
9	Cán bộ dân số - gia đình và trẻ em	1.354
10	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ	1.394
11	Cán bộ phụ trách đài truyền thanh	1.116
12	Cán bộ quản lý nhà văn hóa	517
13	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	2.019
14	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2.019
15	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	2.019
16	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	2.013
17	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2.021
18	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1.383

TT	Chức danh	Số lượng
19	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	994
II	Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ	62.571
1	Bí thư Chi bộ thôn, Tổ dân phố	18.826
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố	22.681
3	Công an viên (nơi chưa có công an chính quy)	21.064
Cộng I + II		90.258

Phụ lục IV

TỔNG KINH PHÍ CHO NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
CÁN BỘ CƠ SỞ GIAI ĐOẠN 2007 - 2010,
CÁC TỈNH VÙNG TÂY BẮC

(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng: biệt khó khăn, cần tăng thêm 100.000 đ/người/tháng.
- Tổng số cán bộ cần đào tạo, bồi dưỡng: 70.000 lượt người.
- Số lượt cán bộ thuộc các xã đặc biệt khó khăn cần đào tạo, bồi dưỡng chiếm khoảng 70%:
- $70.000 \times 70\% = 49.000$ lượt người
- Mục tiêu đào tạo đạt 80%: 49.000 lượt $\times 80\% = 39.000$ lượt người
- Số lượt cán bộ thuộc các xã vùng thấp, phường, thị trấn cần đào tạo là: 21.000 lượt người.
- Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng đạt 95%:
- 21.000 lượt $\times 95\% = 19.000$ lượt người.
2. Tổng kinh phí cho nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng:
- Định mức 400.000 đ/người/tháng (theo Thông tư số 79/2005/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước). Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng Tây Bắc là:
- 156 tỷ + 39 tỷ = 195 tỷ đồng, gồm:
- + Kinh phí theo quy định cần cho các xã đặc biệt khó khăn vùng Tây Bắc là: 39.000 lượt $\times 4.000.000$ đồng = 156 tỷ đồng.
 - + Kinh phí cần bổ sung ưu tiên cho các xã đặc biệt khó khăn vùng Tây Bắc là: 39.000 lượt $\times 100.000$ đồng = 39 tỷ đồng.
 - + Kinh phí cần cho các xã vùng thấp là: 19.000 lượt $\times 4.000.000$ đồng = 76 tỷ đồng.
- Tổng cộng: 271 tỷ đồng (hai trăm bảy mươi một tỷ đồng)/.